TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H.N.**	**C.H. XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:71/2019/DS-PT
Ngày 08-4-2019
V/v : Đòi quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

NHÂN DANH
NƯỚC C.H. XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H.N.

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tiến Dũng**

Các Thẩm phán: Bà **Ngô Thị Thu Thiện**

Ông **Đỗ Minh Hoàng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hương**- Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố H.N..

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H.N.: Bà**Nguyễn Mai Thanh**- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H.N. xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về Đòi quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do bản án dân sự sơ thẩm số13/2018/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện T.Tr., thành phố H.N. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **N.H.Kn.**, sinh năm 1941. (Có mặt)

Trú tại: Xóm C.H., xã H.Hf., T.Tr., H.N.

Bị đơn: Ông **N.H.X.**, sinh năm 1933.(Vắng mặt)

Trú tại: Xóm C.H., xã H.Hf., T.Tr., H.N.

O.X.ủy quyền cho anh N.H.Ng.làm đại diện. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N.H.X.: Luật sư P.T.L., Công ty luật hợp danh N.H.g, Đoàn luật sư thành phố H.N..(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ủy ban nhân dân huyện T.Tr.**, thành phố H.N.

Địa chỉ: thị trấn V.D., T.Tr., H.N.

Đại diện theo ủy quyền: ông **N.V.Cg.**– Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.Tr.. (Xin vắng mặt)

2. Bà **N.T.H.**, sinh năm 1937. (Có mặt)

Trú tại: Khu mỏ than N.Dg., L.B., L.S.

3. Bà **L.T.H.**, sinh năm 1948 (con bà N.T.T.đã chết năm 2010). (Xin vắng mặt)

5. Ông **L.V.Hs.**(con bà N.T.T.đã chết năm 2010). (Vắng mặt)

6. Bà **L.T.Ng.**, sinh năm 1961(con bà N.T.T.đã chết năm 2010). (Có mặt)

7. Ông **L.V.Hn.**(con bà N.T.T.đã chết năm 2010). (Vắng mặt)

8. Bà **L.T.Ts.**, sinh năm 1968 (con bà N.T.T.đã chết năm 2010). (Có mặt)

9. Bà **N.T.D.**, sinh năm 1954 (con gái o.X.y.). (Có mặt)

10.Bà **N.T.Ln.**, sinh năm 1963 (con gái o.X.y.). (Có mặt)

11.Bà **N.T.Ts.**(tức Duyên), sinh năm 1965 (con o.X.y.). (Xin vắng mặt)

12. Ông **N.H.Ng.**, sinh năm 1969 (con trai o.X.y.). (Có mặt)

13. Bà **T.T.Pg.**, sinh năm 1973 (vợ a.Ng.). (Có mặt)

14. Anh **N.H.Tg.**, sinh năm 1994 (con a.Ng.). (Có mặt)

15.Chị **N.T.Tr.**, sinh năm 2001 (con a.Ng.). (Xin vắng mặt)

16.Anh **N.H.D.**, sinh năm 2002 (con a.Ng.). (Xin vắng mặt)

Đều trú tại: Xóm C.H., xã H.Hf., T.Tr., H.N.

Người kháng cáo nguyên đơn ông N.H.Kn., bị đơn ông N.H.X., những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N.T.H., bà L.T.Ts., bà L.T.H.,bà L.T.Ng., bà N.T.D., bà N.T.Ln., ông N.H.Ng..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông N.H.Kn. trình bày: Bố mẹ ông là cụ N.H.Ts.(đã chết năm 1951) và cụ N.T.Th.(đã chết năm 1974). Hai cụ sinh được 5 người con là ông N.H.X., bà N.T.H., bà N.T.T.(chết năm 2010, có chồng là L.V.D., chết năm 1971, có 5 người con chung là L.T.H., L.V.Hs., L.T.Ng., L.V.Hn.và L.T.Ts.), bà N.T.Tj.(đã chết năm 1974, có chồng là L.D.Nh., chết năm 2011, không có con) và ông N.H.Kn.. Sinh thời hai cụ có mảnh đất 117m^2 thuộc thửa số 70, tờ bản đồ số 04, tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N.. Do hai cụ có hai người con trai nên đã chia cho o.K., o.X.mỗi người một nửa mảnh đất trên. Việc chia đất của hai cụ chỉ nói miệng, không có văn bản gì. Sau khi được các cụ chia đất, o.X.xây nhà mái bằng trên phần đất của mình được chia cùng vợ con ở tại nhà đất này, o.K.làm nhà 3 gian vách đất ở cùng c.Th.. Năm 1962, o.K.lấy vợ, vợ chồng ông ở tại nhà đất của ông. Đến

năm 1972, do vợ chồng o.K.đông con nên đã mua nhà đất nơi khác để ở, nhà đất cũ ông vẫn đi lại thăm nom. Năm 1978, o.X.tự ý phá dỡ nhà của ông, xây dựng nhà gạch mới, ông đã đến phản đối yêu cầu o.X.không được xây dựng nhưng o.X.vẫn làm. Đến năm 2010, o.X.phá nhà xây gạch trên đất của ông để xây nhà khác, o.K.không đồng ý cho o.X.làm thì mới biết o.X.được cấp giấy chứng nhận toàn bộ thửa đất. Ông đã làm đơn ra UBND xã H.Hf. giải quyết, UBND xã cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay o.K.khởi kiện yêu cầu o.X.trả lại ông 58,5m^2 đất thuộc thửa số 70, tờ bản đồ số 04, tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. mà ông được bố mẹ chia, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đối với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 04, tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. mang tên N.H.X. và buộc o.X.phải bồi thường 28.195.000đ trị giá ngôi nhà vách đất của ông, o.X.đã phá bỏ.

Tại bản khai và trong các lời khai tiếp theo bị đơn là ông N.H.X. và đại diện ủy quyền của o.X.anh N.H.Ng. xác nhận lời trình bày của o.K.về quan hệ huyết thống giữa o.K.và o.X.cũng như xác nhận phần đất hiện nay o.K.đang kiện đòi là của bố mẹ hai ông để lại. Năm 1951, c.Ts.chết, trước khi chết c.Ts.không đề lại di chúc gì. Khi trưởng thành, ba người con gái của hai cụ là b.Hs., b.Tj.và b.Tjy., lấy chồng đều về nhà chồng ở, còn o.X.lấy vợ, thì vợ chồng o.X.ở tại nhà đất của bố mẹ, o.K.lấy vợ, vợ chồng o.K.ở tại ngôi nhà vách đất. Năm 1972 do nhà cửa chật chội, đông con, o.K.có mua đất nơi khác để ở, toàn bộ nhà đất do o.X.quản lý, sử dụng. Khi o.K.ra ở riêng, ông đã trả cho o.K.200đ và 3000 viên gạch để được sử dụng toàn bộ thửa đất của bố mẹ để lại. Việc ông thanh toán tiền và gạch cho o.K.không có giấy tờ gì. Năm 1974, c.Th. chết, trước khi chết c.Th. cũng không để lại di chúc gì. Năm 1978, ông phá dỡ nhà vách đất trước đây o.K.ở để xây dựng nhà gạch lợp ngói, o.K.không có ý kiến thắc mắc gì. Năm 1993, o.X.được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất số 70, tờ bản đồ số 04, tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. và năm 2003, ông được cấp đổi sổ. Cả hai lần cấp sổ của ông, o.K.đều không có ý kiến gì. Năm 2010, gia đình ông thuộc gia đình chính sách, được nhà nước xây dựng nhà tình nghĩa, mà ngôi nhà lợp ngói o.X.dựng năm 1978 đã xuống cấp nên ông đã dỡ bỏ để xây nhà mới thì o.K.kiện đòi đất đối với ông, từ đó đến nay phần đất này vẫn để không, chỉ căng bạt, không có công trình gì. Hiện ở trên thửa đất này gia đình ông có ông, các con của ông là chịN.T.D., chị N.T.Ln., chị N.T.Ts.(tức Duyên), anh N.H.Ng., chị T.T.Pg. (vợ a.Ng.), cháu N.H.Tg., cháu N.T.Tr. và cháu N.H.D. (là các con a.Ng.). Nay o.K.khởi kiện đòi quyền sử dụng 58,5m^2 đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtthửa đất số 70, tờ bản đồ số 04, tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. đã cấp mang tên ông và yêu cầu ông bồi thường thiệt hại 28.195.000đ, ông không đồng ý đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của o.K..

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N.T.H. xác nhận lời trình bày của o.K.về quan hệ huyết thống giữa bà với o.K., o.X.y.. Thửa đất hiện nay o.X.đang

quản lý, sử dụng tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. là của bố mẹ bà để lại. Bà xác nhận do bố mẹ bà có hai người con trai nên thửa đất của hai cụ được hai cụ chia cho o.X.y., o.K.mỗi ông một phần. Khi trưởng thành, bà, b.Tj.và b.Tjy. lấy chồng ở riêng, o.X.lấy vợ ở ngôi nhà ngang còn o.K.lấy vợ ở tại ngôi nhà vách đất. Sau này, khi o.K.chuyển ra ngoài ở, o.X.có thanh toán tiền và gạch cho o.K.để được sử dụng toàn bộ thửa đất của bố mẹ để lại. Việc các ông thanh toán tiền, gạch như thế nào bà không biết, bà chỉ nghe nói lại. Nay có việc tranh chấp đất giữa hai ông, bà không liên quan gì đến đất của các cụ, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vì hai ông đều là anh, em ruột của bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị L.T.H. trình bày: Ông bà ngoại của chị là cụ N.H.Ts.(đã chết năm 1951) và cụ N.T.Th.(đã chết năm 1974). Về huyết thống như o.K., o.X.trình bày. Bố mẹ chị là bà N.T.T.(chết năm 2011) và ông L.V.D. (chết năm 1971) sinh được 5 người con là L.T.H. (là chị), L.V.Hs., L.T.Ng., L.V.Hn.và L.T.Ts.. Thửa đất hiện nay o.X.đang quản lý sử dụng tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. là của ông bà ngoại chị để lại. Khi còn sống ông bà ngoại chị đã chia thửa hiện o.X.đang quản lý, sử dụng cho o.K., o.X.mỗi người một nửa. Sau khi được chia đất thì o.X.y., o.K.lấy vợ đều ở tại nhà đất của ông bà ngoại. Khoảng năm 1978, o.X.có thông báo với b.Tjy. về việc o.X.và o.K.mua bán trao đổi đất với nhau, còn cụ thể như thế nào thì b.Tjy. không nắm được. Sau đó o.K.chuyển ra nơi khác ở, còn gia đình o.X.vẫn ở tại nhà đất của này. Nay có việc tranh chấp đất giữa hai ông, chị chỉ là con cháu, không có ý kiến gì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị L.T.Ng. là em chị L.T.H., xác nhận lời trình bày của c.Hf.về quan hệ giữa các chị với o.K., o.X.cũng như nguồn gốc thửa đất hiện nay o.K.khởi kiện là của ông bà ngoại chị. Chị không biết khi còn sống ông bà ngoại chị có chia đất cho o.X.y., o.K.không nhưng khi hai ông lấy vợ đều ở trên đất của ông bà ngoại chị để lại, sau này o.K.mua đất ra ở riêng, o.X.có thanh toán tiền và gạch cho o.K.để được sử dụng toàn bộ thửa đất của hai cụ. Khi o.X.xây nhà, o.K.không có ý kiến gì kể cả khi o.X.được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay có việc tranh chấp đất giữa hai ông, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Chị không có liên quan gì đến đất của ông bà ngoại chị để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị L.T.Ts. là em chị L.T.H. xác nhận lời trình bày của chị Hòavề quan hệ giữa các chị với o.K., o.X.y., cũng xác nhận nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp giữa o.K.và o.X.là của ông bà ngoại chị để lại. Năm 1989, chị đã kết hôn, sống ở nơi khác, nên không rõ quá trình sử dụng thửa đất của ông bà ngoại. Tuy nhiên, chị không nghe thấy o.K., o.X.tranh chấp gì. Đến năm 2010, khi o.K.phá dỡ nhà cũ thì giữa hai ông mới phát sinh tranh chấp. Nay có việc tranh chấp giữa hai ông đề nghị Tòa căn cứ pháp luật giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh L.V.Hs., anh L.V.Hn.là các con của bà N.T.T.đã đ- ợc Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nh- ng đều không đến tòa làm việc, không khai báo gì, không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị N.T.D., chị N.T.Ln., chị N.T.Ts.thống nhất trình bày: C.Dj., c.Ln., c.Ts. là con gái của ông N.H.X..Các chị biết, ông bà nội các chị là cụ N.H.Ts.và cụ N.T.Th.có 5 người con là ông N.H.X. (bố các chị), bà N.T.H., bà N.T.Tjy, bà N.T.Tj.và ông N.H.Kn.. Nguồn gốc thửa đất hiện nay o.K.đang tranh chấp với o.X.tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. là của ông bà nội để lại cho bố các chị làm nơi thờ cúng. Bố các chị ở tại thửa đất của các cụ thì phải hỗ trợ gạch và tiền xây nhà cho o.K.. Năm 1972, o.K.ra ở riêng, các chị là người trực tiếp đi gánh gạch mua của bà Khích đến cho o.K.. Sau khi o.K.ra ở riêng, gia đình các chị sống ổn định từ đó đến nay. Năm 1978, do chỗ ở chật chội, bố mẹ các chị đã dỡ nhà tranh vách đất trước đây o.K.ở để xây thành nhà gạch, khi đó o.K.có sang giúp. Năm 2010, gia đình các chị dỡ căn nhà gạch thì phát sinh tranh chấp với o.K.. Nay o.K.khởi kiện, các chị không đồng ý với yêu cầu kiện của o.K..

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh N.H.Ng., chị T.T.Pg., cháu N.H.Tg. thống nhất trình bày: Anh N.H.Ng.là con trai ông N.H.X..Năm 1993, anh N.H.Ng.kết hôn với chị T.T.Pg., sau khi anh chị kết hôn anh chị chung sống cùng o.X.tại thửa đất hiện nay o.K.đang tranh chấp với o.X.ở xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N.. Từ nhỏ a.Ng. đã không thấy o.K.sống trên thửa đất này và anh được biết năm 1972, khi o.K.ra ở riêng, bố anh đã đưa o.K.200đ và 3000 viên gạch, các chị anh đã trực tiếp gánh gạch ra nhà o.K.và o.K.đã bàn giao toàn bộ diện tích đất cho gia đình anh. Từ năm 1978, toàn bộ các công trình trên thửa đất do gia đình anh xây dựng, o.K.không có công sức gì trên đất. Từ khi a.Ng. kết hôn với c.Pj., anh chị về ở cùng o.X.đến nay anh chị kho.X.dựng đóng góp gì, sau này các con của anh chị cũng không ai có công sức đóng góp gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện T.Tr. do ông N.V.Cg.làm đại diện trình bày việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N.H.X. thửa số 70, tờ bản đồ số 04 diện tích 117m^2, tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. là đúng trình tự, quy định của pháp luật. Nay có việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa o.K.và o.X.y., có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/ DS-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.Tr., thành phố H.N. đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.H.Kn..

Xác nhận 58,5m^2 thuộc thửa đấtsố 70, tờ bản đồ số 04 tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. có trị giá là 877.500.000đ là của ông N.H.Kn..

Xác nhận công sức duy trì, tôn tạo của ông N.H.X. là 427.500.000đ tương đương với 28,5m^2 đất.

Chia o.K.quản lý, sử dụng 30m^2 đất thuộc thửa số 70, tờ bản đồ số 04 tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N.. Có ranh giới như sau:

- Phía Tây giáp ngõ đi dài 4,21m
- Phía Đông dài 4,09m
- Phía Bắc dài 6,9m
- Phía Nam giáp đất o.X.được chia dài 7,72m

Chia o.X.quản lý, sửu dụng 28,5m^2 đất thuộc thửa số 70, tờ bản đồ số 04 tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. có ranh giới như sau:

- Phía Tây giáp ngõ đi 3,52m
- Phía Đông dài 3,6m
- Phía Bắc giáp phần đất o.K.được chia 7,72m

Phía Nam giáp nhà đất gia đình o.X.đang quản lý, sử dụng dài 8,45m.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 982665 năm 2003 mang tên N.H.X. đối với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 04 diện tích 117m^2 tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N..

Ông N.H.Kn., ông N.H.X. được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Bác yêu cầu đòi bồi thường 28.195.000đ của ông N.H.Kn. đối với ông N.H.X..

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, thi hành án của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án. Ngày 22/8/2018, ngày 27/8/2018 và ngày 31/8/2018ông N.H.Kn. đã nộp đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung bản án dân sự sơ thẩm nêu trên với yêu cầu: Tòa tuyên bác yêu cầu đòi bồi thường của ông đối với o.X.28.195.000 đồng là không đúng, yêu cầu o.X.phải bồi thường giá trị mà o.X.đã phá căn nhà của ông. Trả đủ diện tích đất 58,2 m^2 cho ông. Không cho ông tranh tụng là vi phạm pháp luật. Ngày 23/8/2018 ông N.H.X., bà L.T.Ts., bà L.T.H., bà N.T.D., bà N.T.Ln., và ngày 22/8/2018 ông N.H.Ng., bà L.T.Ng.; ngày 09/8/2018 bà N.T.H. nộp đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.Tr. vì quyết định của bản án làm các ông bà mất tài sản và quyền lợi chính đáng bị xâm phạm.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự không xuất trình các tài liệu chứng cứ khác. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Nguyên đơn,bị đơn và những người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị xem xét và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, o.K.không có tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất của mình, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của o.K.là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.N. tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Toà án và các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: các đương sự xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Tít, c.Th. và thống nhất về huyết thống. C.Ts.và c.Th. chết không để lại di chúc. Tài sản của các cụ để lại chưa được tặng cho, chưa được chia dưới bất kỳ hình thức nào. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu chia thừa kế di sản của c.Ts.và c.Th. để lại. Việc phân chia đất cho o.K.và o.X.không có tài liệu chứng minh và lời khai của các đương sự không thống nhất. Nguyên đơn yêu cầu đòi tài sản trên cơ sở được bố mẹ tặng cho, song không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Không có căn cứ xác định o.K.được sử dụng ½ thửa đất là 58,5m^2 nên kháng cáo của o.K.không được chấp nhận. Nội dung kháng cáo của o.K.không cho ông được tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm là không có căn cứ. Kháng cáo yêu cầu bồi thường 28.195.000 đồng của o.K.đối với o.X.không có căn cứ xác định ngôi nhà o.X.phá là của o.K., mặt khác khi o.X.phá dỡ từ năm 1978 o.K.cũng không có ý kiến gì nên không được chấp nhận nội dung kháng cáo này của o.K.. Kháng cáo của o.X.xác định toàn bộ diện tích đất là của ông cũng không có căn cứ để chấp nhận vì không chứng minh được tặng cho hoặc có văn bản thỏa thuận của các anh em cho ông được toàn quyền sử dụng thửa đất. Không có tài liệu chứng cứ để xác định o.X.trả o.K.200đ và 3.000 viên gạch. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông N.H.X. vì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho o.X.không đúng theo quy định của pháp luật. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi liên quan: Như phân tích trên tài liệu hồ sơ thể hiện di sản của c.Ts.c.Th. để lại chưa chia. Các đương sự không có yêu cầu độc lập chia thừa kế tài sản ở cấp sơ thẩm.

Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về án phí, o.K., o.X.thuộc đối tượng được miễm giảm án phí theo quy định.

Từ phân tích trêncăn cứkhoản 2 Điều 308 BLTTDS đề nghị hội đồng xét xử:

Sửa bản án sơ thẩm số 13 ngày 07/8/2018của Tòa án nhân dân huyện T.Tr. theo hướng:

- Bác yêu cầu khởi kiện của o.K.buộc o.X.trả lại 58,5m^2 đất thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ 04 tại xóm C.H., Hữu Hoà, T.Tr., H.N. có giá trị 877.500.000đ.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W982665 năm 2003 mang tên o.X.đối với thửa đất số 70, tờ bản đồ 04 tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N..

- Bác yêu cầu đòi bồi thường 28.195.000đ của o.K.đối với o.X.y..

- Miễn án phí đối với o.K., o.X.vì đã trên 70 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.N. phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Các đương sự nộp đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2]Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, ông N.H.Kn. yêu cầu: Buộc o.X.trả lại ông 58,2m^2 đất thửa số 70, tờ bản đồ số 04, tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. mà bố mẹ đã cho ông; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho o.X.y.; buộc o.X.phải bồi thường 28.195.000đ giá trị ngôi nhà của ông mà o.X.đã phá bỏ.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án các đương sự đều thống nhất xác định diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 04, tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. diện tích 117 m^2 là của cụ N.H.Ts.và cụ N.T.Th.là bố mẹ đẻ của ông N.H.Kn. và N.H.X. để lại. C.Ts.và c.Th. chết đều không để lại di chúc.

Xác định huyết thống của cụ N.H.Ts.(chết năm 1951) và cụ N.T.Th.(chết năm 1974) như sau:

C.Ts.và c.Th. sinh được (05) năm người con gồm:

1. Ông N.H.X..

2. Bà N.T.H..

3. Bà N.T.Tjy(chết 2011), chồng là ông L.V.D. (chết năm 1971). B.Tjy. và ông Đen sinh được 05 người con là : 1. L.T.H., 2. L.V.Hs., 3. Lưu Viết Nga, 4. Lưu Viết Hân, 5. L.T.Ts..

4. Bà N.T.Tj.. B.Tj.có chồng là ông N.D.N.. B.Tj.và o.N.đã chết và không có con.

5. Ông N.H.Kn..

+ Về yêu cầu của o.K.buộc o.X.trả lại ông 58,2m^2 đất thửa số 70, tờ bản đồ số 04, tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. mà bố mẹ đã cho ông, xét thấy theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của o.X.cho rằng (BL 57): Đến tuổi trưởng thành o.X.lấy vợ trước, năm ông 19 tuổi để tránh anh em va chạm mâu thuẫn, bố mẹ chúng tôi cho bằng miệng mỗi người một nửa đất. Một nửa thửa đất của bố mẹ cho o.X.y., o.X.đã xây nhà mái bằng cùng công trình phụ, một nửa thửa đất bố mẹ cho ông, thời gian đó o.K.chưa có vợ, ông đã làm 03 gian nhà cấp 4 cùng công trình phụ trên thửa đất này. Năm 1960, ông đi bộ đội, năm 1962 ông cưới vợ, năm 1963 ông về phục viên và ông sống cùng vợ và mẹ trên nhà đất này. Năm 1972 vợ chồng ông làm nhà trên diện tích đất mua ở cùng xóm, còn lại nhà, bếp ông vẫn để nguyên, ông có đi lại trông nom. Năm 1978, o.X.phá dỡ nhà này của ông và o.X.làm nhà trên đất để chiếm đoạt tài sản của ông và từ 1978 ông thường xuyên đòi nhà đất với o.X.y.. Đến tháng 6/2010 o.X.dỡ nhà của o.X.làm nằm trên đất bố mẹ cho ông để o.X.làm lại nhà và ông đã cương quyết phản đối.O.K.cũng khẳng định không có việc ông thỏa thuận và nhận của o.X.200đ và 3.000 viên gạch để xây nhà và để o.K.sử dụng toàn bộ ½ thửa đất của bố mẹ.

Theo o.X.(BL63): Thửa đất hiện gia đình ông đang sinh sống là của bố mẹ ông. C.Ts.chết năm 1951, c.Th. chết năm 1974. Không ai để lại di chúc. Khi còn sống bố mẹ ông nói cho ông thửa đất này để thờ cúng tổ tiên. Năm 1972 o.K.lấy vợ và ra ở riêng. Gia đình ông gồm mẹ ông và các anh chị em trong nhà đã thống nhất là để lại toàn bộ thửa đất này cho ông, ông hỗ trợ cho o.K.200đ và 3.000 viên gạch để tạo lập chỗ ở mới. Sự thỏa thuận trong gia đình về việc ông sử dụng toàn bộ thửa đất và việc ông đưa tiền và gạch cho o.K.đều không có văn bản. Không có việc bố mẹ ông và gia đình thỏa thuận phân chia thửa đất này cho ông và cho o.K.mỗi người ½. diện tích đất. Gia đình ông đã sinh sống ổn định, lâu dài trên thửa đất này, duy trì tôn tạo thửa đất. O.K.kho.X.dựng bất kỳ công trình gì trên đất và cũng không tôn tạo gì hay có công sức trên thửa đất này.

Các lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không thống nhất hoặc không biết về việc cụ Tít, c.Th. cho hai o.K.và o.X.mỗi người ½ thửa đất.

Xét thấy, các đương sự không có tài liệu chứng cứ về việc c.Ts.và c.Th. cho o.K.và o.X.mỗi người ½ thửa đất, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không thống nhất về việc này. Các đương sự đều thống nhất khi c.Ts.và c.Th. chết đều không để lại di chúc. Do vậy, việc o.K.cho rằng các cụ cho ông ½ thửa đất là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: bà N.T.H., (là em gái của o.X.và chị gái của o.K.), các chị L.T.H., L.T.Ts., L.T.Ng. (con gái b.Tjy.) đều thừa nhận thửa đất được hai cụ chia cho o.K., o.X.mỗi ông một nửa đủ cơ sở khẳng định o.K.đã được bố mẹ chia 58,5m^2. Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm như trên là

không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng 58,5m2 đất của o.K.thuộc thửa số 70, tờ bản đồ số 04 diện tích 117m^2 tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. là phù hợp thực tế và pháp luật.

O.X.cho rằng ông và o.K.thỏa thuận với nhau o.X.trả o.K.200đ và 3.000 viên gạch, sự thỏa thuận này được sự thống nhất của mẹ ông và các anh chị em trong gia đình, thỏa thuận này không làm văn bản. O.K.xác định không có thỏa thuận này, b.Hs. trong các lời khai không xác nhận sự việc này, các con của b.Tjy. không trực tiếp tham gia, không biết thỏa thuận này hoặc chỉ nghe kể lại. Các con của o.X.xác nhận có gánh gạch trả o.K.. Người bán gạch cho o.X.để chuyển gạch cho o.K.là bà T.T.K.có trình bày tạiBiên bản hòa giải ngày 27/4/2012 tại UBND xã H.Hf.(BL31) có nội dung: Tại hội nghị bà T.T.K.(Tề) cung cấp: "gần năm 1980 o.X.có lên nhà tôi mua 3.000 viên gạch và có nói là mua để trả o.K.. Khi gia đình tôi trả được mấy trăm viên gạch cho o.X.y., thấy o.X.trao đổi lại là gạch xấu thì tôi có nói với o.X.là bảo o.K.lên chọn gạch, gạch đẹp thì lấy, xấu bỏ lại và tôi không nhìn thấy o.K.đi cùng o.X.lên chọn gạch". Tại hội nghị, đồng chí chủ trì có hỏi b.Ks.là tại sao Giấy chứng nhận ngày 13/4/2012 có xác nhận là có hai ông đi cùng lên nhà bà chọn gạch, gạch tốt thì lấy gạch xấu trả lại. Bà Khích cung cấp: "Chữ viết và nội dung trong giấy chứng nhận ngày 13/4/2012 là không phải do tôi viết mà do cháu nhà tôi viết, bảo tôi ký vào và không đọc lại cho tôi nghe, tôi không biết nội dung". Bà T.T.K.đã chết khi tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án. Từ những căn cứ trên, không có cơ sở xác nhận có sự việc giữa o.K.và o.X.có thỏa thuận nêu trên.

Về yêu cầu đòi o.X.phải bồi thường cho o.K.28.195.000đ giá trị ngôi nhà của ông mà o.X.đã phá bỏ. Quá trình giải quyết tại Tòa án o.K.không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của mình, o.K.không xuất trình được tài liệu hoặc chứng cứ về việc xây dựng nhà trên đất, hơn nữa theo lời khai của ông từ năm 1972 ông đã đi ở nơi khác, năm 1978 o.X.đã phá dỡ nhà này và xây dựng nhà trên đất và sử dụng cho đến tháng 6/2010 o.X.phá nhà này để xây dựng lại thì mới xảy ra tranh chấp giữa o.K.và o.X.y..

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định : Ông N.H.Kn. yêu cầu o.X.bồi thường 28.195.000đ trị giá ngôi nhà tranh vách đất o.X.đã phá dỡ của ông, o.X.không thừa nhận điều này, bản thân o.K.không có tài liệu nào chứng minh ngôi nhà này là của ông, o.X.đã phá dỡ.Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án trên đất o.K.kiện đòi không có công trình do o.K.xây dựng do vậy yêu cầu của o.K.là không có căn cứ. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu đòi bồi thường của o.X.là có căn cứ.

Về yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà o.X.dược cấp năm 1993 và được cấp lại năm 2003 Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ những phân tích trên có căn cứ để xác định thửa đất số 70, tờ bản đồ số 04, tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. diện tích 117m^2 là của cụ

N.H.Ts.và cụ N.T.Th.là bố mẹ đẻ của ông N.H.Kn. và N.H.X. để lại và chưa được phân chia. Theo các tài liệu do UBND xã H.Hf. cung cấp và UBND huyện T.Tr. cung cấp thì trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của o.X.y.chỉ có đơn kê khai xin đăng ký quyền sử dụng đất của o.X.y., trong đơn o.X.kê khai nguồn gốc sử dụng đất do ông cha để lại (BL122- Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 22/11/1992, BL149-Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 18/9/2003). Ngoài ra, không có văn bản nào thể hiện bố mẹ cho o.X.thừa hưởng toàn bộ diện tích đất hoặc có văn bản thống nhất trong anh em thỏa thuận để o.X.được sử dụng toàn bộ diện tích đất. Theo Luật đất đai năm 1993và tại điểm 1.5 Điều 4, Quyết định số 69/1999/QĐ-UB ngày 18/8/1999 của UBND thành phố H.N. về ban hành sửa đổi quy định về kê khai đăng ký nhà ở, đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị thành phố H.N. thì các trường hợp sau đây được xét cấp giấy chứng nhận: 1.5 Giấy tờ về thừa kế, cho, tặng nhà đất đã được UBND cấp phường, thị trấn xác nhận và nhà đất đó không có tranh chấp; Khoản 1 Điều 5 tại quyết định này cũng quy định: Nếu chủ nhà có một trong các giấy tờ về nhà đất nêu ở Điều 4 nhưng không phải là chính chủ đang sử dụng thì phải có những giấy tờ liên quan đến thừa kế, chia, nhận quà quà tặng... và được UBND thị trấn xác nhận việc có thật, không có tranh chấp, khiếu kiện sẽ được xem xét cấp giấy chứng nhận.Điểm c, khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 quy định: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận không có tranh chấp mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp GCNQSDĐ và không phải nộp tiền sử dụng đất: c, Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất. Do đó, việc UBND huyện T.Tr. cấp GCNQSDĐ năm 1993 và cấp đổi năm 2003 cho o.X.là không đúng theo quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy GCNQSDĐ của o.X.là có căn cứ.

Về nội dung kháng cáo của o.K.cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm không cho ông tranh tụng là vi phạm pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã nghiên cứu nội dung Biên bản phiên tòa ở cấp sơ thẩm. Căn cứ vào quy định tranh tụng tại phiên tòa của BLTTDS và nội dung Biên bản phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật và o.K.đã được thực hiện việc tranh tụng đúng quy định của pháp luật. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của o.K..Tại Toà án cấp phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu chia di sản của c.Ts.và c.Th. để lại theo quy định của pháp luật. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự không có đơn yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể giải quyết nội dung yêu cầu này được. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.Tr., thành phố H.N..

Về án phí dân sự sơ thẩm do o.K.và o.X.là người cao tuổi nên căn cứ Nghị quyếtsố 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí sơ thẩm cho o.K.và o.X.y..

Về án phí phúc thẩm, do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30 Luật Đất đai 1993; Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003;Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật Đất đai năm 2003; Quyết định 69/QĐ-UB ngày 18/8/1999 của UBND thành phố H.N. về ban hành sửa đổi quy định về kê khai đăng ký nhà ở đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị thành phố H.N..

Điều 26, khoản 1Điều 38, Điều 147,Điều 148,khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số13/2018/DSST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.Tr., thành phố H.N., cụ thể như sau:

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.H.Kn..

- Bác yêu cầu đòi 58,5m^2 thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 04 tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N. có trị giá là 877.500.000đ là của ông N.H.Kn..

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W982665 năm 2003 mang tên N.H.X. đối với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 04 diện tích 117m^2 tại xóm C.H., H.Hf., T.Tr., H.N..

- Bác yêu cầu đòi bồi thường 28.195.000đ của ông N.H.Kn. đối với ông N.H.X..

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông N.H.Kn. và ông N.H.X.. Trả lại ông N.H.Kn. số tiền 11.800.000đ o.K.đã nộp theo biên lai số 07854 ngày 10/02/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.Tr., H.N..

- Án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại ông N.H.Kn., ông N.H.X., bà N.T.H., bà L.T.Ts., bà L.T.H., bà L.T.Ng., bà N.T.D., bà N.T.Ln., ông N.H.Ng.mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số: 008195 ngày 31/8/2018; 0008179, 0008180, 0008181,0008182, 0008183, 0008184 cùng ngày 28/8/2018; 0008160, 0008161 cùng ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.Tr., H.N..

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Tiến Dũng

Nơi nhận:
- VKSNDTP H.N.;
- TAND huyện T.Tr.;
- Chi cục THADS huyện T.Tr.;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.